TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/DS-ST
Ngày: 30-9- 2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Liễu

2. Ông Nguyễn Thành Lễ

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Văn Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Tâm Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển V; Địa chỉ: Tháp V, số 35 H, quận K, thành phố N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Đơn vị được ủy quyền: Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển V – Chi nhánh tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hồng N; Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông N: Anh Thái Công Tr; Chức vụ: Phó phòng khách hàng cá nhân - Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển V – Chi nhánh tỉnh T. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Phan Trần Thị Nhất T, sinh năm: 1978; Địa chỉ: số 4 hẻm 6 Đường H, tổ 18, khu phố X, Phường Y, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2020, quá trình tố tụng Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triện Việt V – Chi nhánh T (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Căn cứ giấy đề nghị vay vốn ngày 04/5/2015 và hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐ ký kết ngày 04/5/2015 giữa bà Phan Trần Thị Nhất T với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển V – Chi nhánh T, Ngân hàng cho bà T vay 70.000.000 đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất vay là 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 120% lãi suất trong hạn. Mục đích vay để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của bên vay và gia đình. Tài sản đảm bảo bằng quỹ lương. Kế hoạch trả nợ là trả nợ gốc và lãi định kỳ, trong đó trả tiền gốc mỗi tháng là 1.460.000 đồng, tháng cuối cùng là 1.380.000 đồng, bắt đầu trả nợ từ tháng 5/2015. Phương thức trả nợ là tự động trừ vào tài khoản số 6611.0000.103129 của bà Tâm tại V chi nhánh T. Sau khi vay, bà T không thực hiện trả tiền nợ cho ngân hàng theo thỏa thuận. Tính đến ngày 01/6/2020 bà T còn nợ Ngân hàng tiền nợ gốc là 34.982.873 đồng; lãi trong hạn là 18.192.289 đồng, lãi quá hạn là 1.887.360 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, báo nợ đến cho bà T nhưng đến nay bà T vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh giải quyết buộc bà T trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký. Cụ thể yêu cầu trả nợ gốc là 34.982.873 đồng; lãi trong hạn là 18.192.289 đồng, lãi quá hạn là 1.887.360 đồng tính đến ngày 01/6/2020 và tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc cho đến khi trả tất nợ vay.

Bị đơn chị Phan Trần Thị Nhất T không nộp bản tự khai, không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Đề xuất hướng giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của Ngân hàng buộc chị T phải trả cho Ngân hàng nợ gốc là 34.982.873 đồng; tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hợp đồng đã ký. Về án phí: Buộc chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn là Phan Trần Thị Nhất T. Chị T cư trú tại thành phố Tây Ninh nên Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là anh Thái Công Tr có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Chị Phan Trần Thị Nhất T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu chị T trả nợ gốc là 34.982.873 đồng:

Ngày 04/5/2015, Ngân hàng và chị T ký hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐ có nội dung Ngân hàng cho chị T vay 70.000.000 đồng. Thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất vay là 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 120% lãi suất trong hạn. Mục đích vay để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của bên vay và gia đình. Tài sản đảm bảo bằng quỹ lương. Kế hoạch trả nợ là trả nợ gốc và lãi định kỳ, trong đó trả tiền nợ gốc mỗi tháng là 1.460.000 đồng, tháng cuối cùng là 1.380.000 đồng, bắt đầu trả nợ từ tháng 5/2015. Phương thức trả nợ là tự động trừ vào tài khoản số 6611.0000.103129 của bà T tại ngân hàng V chi nhánh T. Sau khi vay bà T không thực hiện trả tiền nợ cho ngân hàng theo thỏa thuận. Tính đến ngày 01/6/2020 bà t còn nợ Ngân hàng tiền nợ gốc là 34.982.873 đồng.

Xét Hợp đồng tính dụng giữa Ngân hàng và bà T thấy rằng: Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng. Theo quy định tại Điều 118 của Luật các tổ chức tín dụng thì Ngân hàng được phép cho các cá nhân vay, tuy nhiên Luật các tổ chức tín dụng không quy định cụ thể về hợp đồng vay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 3 của Luật các tổ chức tín dụng, xác định hợp đồng vay giữa chị T với Ngân hàng là hợp đồng vay tài sản, có lãi suất, có kỳ hạn theo quy định tại các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự. Chị T không có ý kiến trình bày phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về số tiền nợ gốc nêu trên nên căn cứ theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu chị T trả lãi trong hạn là 11%/năm và lãi quá hạn theo mức 120% thấy rằng:

Chị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 03/02/2016. Tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật."*. Theo hợp đồng giữa chị T với Ngân hàng thì mức lãi suất cho vay trong hạn là 11%/năm và lãi quá hạn bằng 120% của lãi suất trong hạn là phù hợp quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Ngân hàng yêu cầu chị T trả tiền lãi trong hạn là 19.615.023 đồng, tiền lãi qúa hạn là 2.181.907 đồng tính đến ngày 30/9/2020 là có căn cứ nên chấp nhận.

Ngoài ra theo quy định tại Án lệ số 08/2016 của Tòa án nhân dân tối cao thì chị Tâm phải chịu lãi suất quá hạn kể từ ngày tiếp theo là ngày 01/10/2020 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét yử thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng có căn cứ chấp nhận. Buộc chị T phải trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 30/9/2020 số tiền là 56.769.803 đồng và tiếp tục chịu lãi suất quá hạn kể từ ngày 01/10/2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền nợ cho Ngân hàng.

[3] Về án phí

Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147của Bộ luật Tố tung dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Lời trình bày của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Án lệ số 08/2016 của Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Điều 147của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển V – Chi nhánh T đối với chị Phan Trần Thị Nhất T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

2. Buộc chị Phan Trần Thị Nhất T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển V – Chi nhánh T số tiền nợ gốc là 34.982.873 đồng, tiền lãi trong hạn là 19.615.023 đồng, tiền lãi qúa hạn là 2.181.907 đồng, tổng cộng là 56.769.803 đồng.

Kể từ ngày 01/10/2020, tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc chưa trả và lãi suất quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐ ngày 04/5/2015 cho đến khi chị Tâm trả nợ xong.

3. Về án phí sơ thẩm dân sự

- Chị Phan Trần Thị Nhất T phải chịu 2.838.500 đồng.
- Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển V – Chi nhánh T không phải chịu án phí. Số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển V – Chi nhánh T đã nộp là 1.377.000 đồng theo Biên lai thu số 0000217 ngày 23 tháng 6 năm 2020 được hoàn lại.

5. Đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ đối với đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSNDTP. Tây Ninh;
- CCTHADSTP. Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thanh Hoa